

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG

DỰ ÁN: QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HẢI LONG, HUYỆN GIAO THỦY

Quy mô diện tích: 1100.00 ha

Tỷ lệ bản đồ : 1/5000-1/10000

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	Chi phí tư vấn	[1+2+3]	2,260,281,000	Gtv
1	Chi phí lập nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng	Theo điểm g Khoản 4 điều 5 TT20/2019/TT-BXD	130,384,000	Gnv
2	Chi phí lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng	Theo điểm g Khoản 4 điều 5 TT20/2019/TT-BXD	2,111,340,000	Gqh
3	Chi phí trong quá trình lựa chọn đơn vị tư vấn	(A+B+C+D)	18,557,000	Glctv
3.1	Chi phí lập HSMT	Theo điểm c khoản 4 điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP $Gqh*(hệ số=0,2\%)$	4,222,680	A
3.2	Chi phí thẩm định HSMT	Theo điểm d khoản 4 điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP $Gqh*(hệ số=0,1\%)$	2,111,340	B
3.3	Chi phí đánh giá HSDT	Theo điểm b khoản 5 điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP $Gqh*(hệ số=0,2\%)$	4,222,680	C
3.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Theo khoản 6 điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP (lấy giá trị tối thiểu)	3,000,000	D
3.5	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	Theo khoản 8 điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP (lấy giá trị tối thiểu)	5,000,000	D

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
II	Chi phí thẩm định	[1+2]	145,604,000	Gtd
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	Theo khoản 3 Điều 6 - TT 20/2019/TT-BXD (Gnv*20%)	26,076,800	Gtdnv
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	Theo bảng tổng hợp chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	119,527,000	Gtdđa
III	Quản lý nghiệp vụ đồ án quy hoạch	Theo bảng tổng hợp chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	111,082,000	Gql
IV	Chi phí tổ chức lấy ý kiến đóng góp cộng đồng	Theo khoản 4 Điều 7 - TT 20/2019/TT-BXD (2%*Gqh)	42,227,000	Gcd
V	Chi phí công bố quy hoạch	Theo khoản 5 Điều 7 - TT 20/2019/TT-BXD (3%*Gqh)	63,340,000	Gcb
	<u>Tổng giá trị sơ bộ:</u>	$Gtv+Gtd+Gql+Gcd+Gcb+Gdt$	2,753,661,000	Gtmdt
VI	Chi phí khác	[1+2]	42,131,000	Gk
1	Chi phí kiểm toán	Theo điểm B khoản 1 điều 46 Nghị định 99/2021/NĐ-CP (Gtmdt*hệ số 0,96%)	26,435,146	
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Theo điểm C khoản 1 điều 46 Nghị định 99/2021/NĐ-CP (Gtmdt*hệ số 0,57%)	15,695,868	
VII	Chi phí dự phòng	5,0%*(Gtv+Gtd+Gql+Gcd+Gcb+Gk)	133,233,000	Gdp
	TỔNG:	(I+II+III+IV+V++VI+VII)	2,797,898,000	

Bảng chữ: Hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn đồng./.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THẨM ĐỊNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

(Theo bảng số 11 thông tư 20/2019/TT-BXD)

DỰ ÁN: QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HẢI LONG, HUYỆN GIAO THỦY

STT	Nội dung	Đơn vị								
1	Bảng 11: Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch									
a	Chi phí lập đồ án quy hoạch	(triệu đồng)	≤200	500	700	1000	2000	5000	7000	≥10000
b	Thẩm định đồ án	(tỷ lệ %)	12.30	9.70	8.40	7.50	5.50	3.90	3.20	2.80
2	Chi phí lập đồ án quy hoạch (giá trị trước thuế)	(triệu đồng)	1,919.40		cách tính: (Gqh/1.000.000/1,1)					
3	Đối chiếu với Bảng định mức chi phí									
a	Quy mô định mức ngưỡng trên	(triệu đồng)	2,000.00							
b	Định mức chi phí ngưỡng trên	(tỷ lệ %)	5.50							
c	Quy mô định mức ngưỡng dưới	(triệu đồng)	1,000.00							
d	Định mức chi phí ngưỡng dưới	(tỷ lệ %)	7.50							
4	Định mức chi phí tính toán nội suy	(tỷ lệ %)	5.66							
5	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch trước thuế ([2]*[4]*1.000.000)	(đồng)	108,661,073							
6	Thuế giá trị gia tăng VAT ([5]*10%)	(đồng)	10,866,107							
7	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch sau thuế ([5]+[6])	(đồng)	119,527,180							
8	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch sau thuế (làm tròn):	(đồng)	<u>119,527,000</u>							

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

(Theo bảng số 6 thông tư 20/2019/TT-BXD)

DỰ ÁN: QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HẢI LONG, HUYỆN GIAO THỦY

STT	Nội dung	Đơn vị											
1	Bảng 6: Định mức chi phí quy hoạch chung xây dựng khu chức năng (khu công nghiệp; khu chế xuất; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao)												
a	Quy mô	(ha)	≤500	1,000	5,000	10,000	15,000	20,000	25,000	30,000	40,000	600,000	
b	Định mức chi phí lập đồ án quy hoạch	(triệu đồng)	1,410	1,884	3,300	3,840	4,500	5,040	5,400	5,760	6,720	7,200	
2	Quy mô diện tích	(ha)	1,100.00										
3	Đối chiếu với Bảng định mức chi phí												
a	Quy mô định mức ngưỡng trên	(ha)	5,000.00										
b	Định mức chi phí ngưỡng trên	(triệu đồng)	3,300.00										
c	Quy mô định mức ngưỡng dưới	(ha)	1,000.00										
d	Định mức chi phí ngưỡng dưới	(triệu đồng)	1,884.00										
4	Định mức chi phí tính toán nội suy	(triệu đồng)	1,919.40										
5	Chi phí lập đồ án quy hoạch trước thuế ([4]*1.000.000)	(đồng)	1,919,400,000										
6	Thuế giá trị gia tăng VAT ([5]*10%)	(đồng)	191,940,000										
7	Chi phí lập đồ án quy hoạch sau thuế ([5]+[6])	(đồng)	2,111,340,000										
8	Chi phí lập đồ án quy hoạch sau thuế (làm tròn):	(đồng)	<u>2,111,340,000</u>										

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

(Theo bảng số 6 thông tư 20/2019/TT-BXD)

DỰ ÁN: QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HẢI LONG, HUYỆN GIAO THỦY

STT	Nội dung	Đơn vị											
1	Bảng 6: Định mức chi phí quy hoạch chung xây dựng khu chức năng (khu công nghiệp; khu chế xuất; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao)												
a	Quy mô	(ha)	≤500	1,000	5,000	10,000	15,000	20,000	25,000	30,000	40,000	60,000	
b	Định mức chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	(triệu đồng)	100.41	117.19	170.83	185.65	198.75	205.93	213.84	220.84	235.07	242.88	
2	Quy mô diện tích	(ha)	1,100.00										
3	Đối chiếu với Bảng định mức chi phí												
a	Quy mô định mức ngưỡng trên	(ha)	5,000.00										
b	Định mức chi phí ngưỡng trên	(triệu đồng)	170.83										
c	Quy mô định mức ngưỡng dưới	(ha)	1,000.00										
d	Định mức chi phí ngưỡng dưới	(triệu đồng)	117.19										
4	Định mức chi phí tính toán nội suy	(triệu đồng)	118.53										
5	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch trước thuế (4)*1.000.000	(đồng)	118,531,000										
6	Thuế giá trị gia tăng VAT (5)*10%	(đồng)	11,853,100										
7	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch sau thuế (5)+(6)	(đồng)	130,384,100										
8	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch sau thuế (làm tròn):	(đồng)	<u>130,384,000</u>										